

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KIM KHÍ VIỆT ANH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KIM KHÍ VIỆT ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET ANH METAL PRODUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108597039

3. Ngày thành lập: 22/01/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

C12 Tiểu Khu Nguyễn Du, Thị Trấn Thường Tín, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
2.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
3.	Sản xuất đồng hồ	2652
4.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
5.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
6.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
7.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
8.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
9.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
10.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
11.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
12.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
14.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
15.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
16.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
17.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
18.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

19.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
20.	Bán buôn đồ uống	4633
21.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
22.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
23.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
24.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
26.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
27.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
28.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
29.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
30.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
31.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
32.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
33.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
34.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
35.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
36.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
37.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

38.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
39.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
40.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
41.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
42.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
43.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
44.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
45.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ hoạt động đấu giá)	4789
46.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
47.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hành khách ven biển	5011
48.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
49.	Đúc sắt, thép	2431
50.	Đúc kim loại màu	2432
51.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
52.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
53.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
54.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813

55.	Sản xuất máy luyện kim	2823
56.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
57.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
58.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
59.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
60.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
61.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
62.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
63.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
64.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
66.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
68.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
69.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
70.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
71.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
72.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
74.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
75.	Bán buôn thực phẩm	4632
76.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
77.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
78.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
79.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
80.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512

81.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
82.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
83.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
84.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
85.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
86.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
87.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
88.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
89.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
90.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
91.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
92.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
93.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
94.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
95.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
96.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
97.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
98.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
99.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
100.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
101.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
102.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển	5012
103.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
104.	Bốc xếp hàng hóa	5224
105.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
106.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
107.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

108.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn thuốc Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
109.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
110.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
111.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
112.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
113.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
114.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	ĐỖ VĂN ĐIỆP	Thôn Phú Nha, Xã Hồng Minh, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	1.000.000.000	50,000	034087004298	
2	LÝ TUẤN VINH	Thôn Thượng Thanh, Xã Thanh Cao, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	50,000	112132688	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐỖ VĂN ĐIỆP

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/03/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034087004298

Ngày cấp: 27/07/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Phú Nha, Xã Hồng Minh, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Phú Nha, Xã Hồng Minh, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội